TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **106**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa
2. Ông Nguyễn Trung Diễn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa****:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2191/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989

Thường trú: 22D, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Tạm trú: C3/6, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1991

Địa chỉ: 22D, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Chị C và anh N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không tôn trọng lẫn nhau, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn được do đó đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/10/2016. Ly hôn, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Quốc N trình bày tại bản tự khai:

Anh và chị C tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn tin tưởng lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do đó, chị C làm đơn xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/10/2016. Ly hôn, anh N đồng ý để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Quốc N là có cơ sở chấp nhận vì cả chị C và anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân khoảng từ năm 2019 đến nay. Chị C đề nghị ly hôn, anh N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/10/2016. Ly hôn, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý với yêu cầu của chị C do đó, chấp nhận yêu cầu về con chung của chị C.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc N căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn, anh Nguyễn Quốc N là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc N đăng ký thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác

định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Nguyễn Quốc N có đơn xin vắng mặt; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quốc N tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 2016. Áp dụng vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị C xác định không còn tình cảm với anh N, do hai vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn, hay cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Chị C và anh N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, anh N đồng ý ly hôn. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/10/2016. Ly hôn, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý với yêu cầu về con chung của chị C. Việc giao cháu Nguyễn Ngọc A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc N về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 được ly hôn với anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1991.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Nguyễn Quốc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0007013 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Nguyễn Quốc N được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hải Thị Liễu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA